

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19 – 8 – 2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Tư

2. Ông Nguyễn Đăng Thường

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương – Thư ký

Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú tham gia phiên tòa:

Ông Tạ Văn Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 193/2024/TLST-HNGĐ ngày 14/6/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HPT ngày 05/8/2024 của TAND huyện Đồng Phú giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Tiến Đ, sinh 1989 (Có mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ B, khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/6/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Vũ Tiến Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị Nguyễn Thị D có tìm hiểu và chung sống cùng nhau vào năm 2020, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng

1/2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống, hai bên không thể nói chuyện, chia sẻ cùng nhau, 2 bên đã không còn chung sống cùng nhau được thời gian dài. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng anh Đ yêu cầu được ly hôn đối với chị D.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Vũ Đan A, sinh ngày 17/01/2020 và Vũ Đức A1, sinh ngày 23/4/2021. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Vũ Đức A1, giao con chung Vũ Đan A cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Vũ Đan A số tiền 3.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh Đ không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung Vũ Đức A1.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là thửa đất số 180, tờ bản đồ số 49, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Đ và số tiền góp vốn mua đất chung là 1.500.000.000đ trong đó phần vốn góp của chị D là 980.000.000đ.

Khi ly hôn, 2 bên tự thoả thuận về phần tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Đ có tìm hiểu và chung sống cùng nhau vào năm 2020, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau, thường xuyên cãi vã, 2 bên không còn chung sống cùng nhau từ năm 2023 cho đến nay. Nay anh Đ yêu cầu ly hôn thì chị D đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Vũ Đan A, sinh ngày 17/01/2020 và Vũ Đức A1, sinh ngày 23/4/2021. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung do cách chăm sóc, giáo dục con chung của anh Đ không phù hợp. Chị D không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là thửa đất số 180, tờ bản đồ số 49, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Đ và số tiền chị D góp vốn mua đất chung với anh Đ số tiền 980.000.000đ. Khi ly hôn, 2 bên tự thoả thuận về tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú tham gia phiên tòa phát biểu:*

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Tiến Đ, cho anh Đ được ly hôn với chị D; Về con chung: Giao con chung Vũ Đan A, sinh ngày 17/01/2020 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Vũ Đức A1, sinh ngày 23/4/2021 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng; Ghi nhận việc anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Vũ Đan A số tiền 3.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Anh Vũ Tiến Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh chị Nguyễn Thị D, chị D có nơi cư trú tại thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị D tự nguyện chung sống cùng nhau vào năm 2020, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; do đó hôn nhân giữa anh Đ và chị D là hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, xác định vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn về quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị D.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị D, tuy nhiên địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn do trước khi nộp đơn ly hôn tại Tòa án thì đương sự không yêu cầu

địa phương tiến hành hoà giải. Tuy nhiên, chị D thừa nhận từ năm 2023 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không tin tưởng nhau và tôn trọng nhau, thường xuyên cãi vã, 2 bên cũng không còn chung sống cùng nhau từ đầu năm 2023 cho đến nay, trước yêu cầu của anh Đ thì chị D đồng ý ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ, cho anh Đ được ly hôn với chị D.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Vũ Đan A, sinh ngày 17/01/2020 và Vũ Đức A1, sinh ngày 23/4/2021. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Vũ Đức A1, giao con chung Vũ Đan A cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo cho các đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con, tuy nhiên chị D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con của mình.

Đối với anh Đ: Theo tài liệu anh Đ cung cấp thể hiện, hiện nay anh đang làm công ty, có hợp đồng lao động và thu nhập ổn định, ngoài ra anh Đ có một số tài sản là bất động sản, điều đó chứng tỏ anh Đ có khả năng tài chính để đảm bảo việc nuôi dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, cháu Đan A đang sinh sống cùng chị D, cháu Đức A1 sinh sống cùng anh Đ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và ổn định cuộc sống của của con chung chưa thành niên khi cha mẹ ly hôn, tạo điều kiện cho các cháu phát triển toàn diện về mọi mặt, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Đ, giao con chung Vũ Đan A cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Vũ Đức A1 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Vũ Đan A số tiền 3.000.000đ/tháng và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung Vũ Đức A1 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Vũ Tiến Đ phải chịu số tiền 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng.

[4] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Tiến Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Tiến Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 08/01/2020 của UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước).

- Về con chung: Giao con chung Vũ Đan A, sinh ngày 17/01/2020 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Vũ Đức A1, sinh ngày 23/4/2021 cho anh Vũ Tiến Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện về việc anh Vũ Tiến Đ cấp dưỡng nuôi con chung Vũ Đan A số tiền 3.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí:

Anh Vũ Tiến Đ phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010352 ngày 14/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Anh Vũ Tiến Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

- Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- Chi cục THA huyện Đồng Phú;
- Đương sự;
- UBND xã Thuận Phú;
- Lưu HS;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Thị Hằng